

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 122/2014/NQ-HĐND

*Buôn Ma Thuột, ngày 18 tháng 7 năm 2014***NGHỊ QUYẾT****Quy định về mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật
và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở
trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA VIII - KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2013;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định việc lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở;

Xét Tờ trình số 45/TTr-UBND ngày 04/6/2014 của UBND tỉnh về đề nghị thông qua Nghị quyết quy định về mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số 35 /BC-HĐND ngày 08/7/2014 của Ban Pháp chế và ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Nghị quyết quy định về mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk như sau:

1. Đối tượng áp dụng: Các cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức nghề nghiệp thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh.

2. Nội dung chi: Thực hiện thống nhất theo hướng dẫn tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định việc lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở.

3. Mức chi: Mức chi đối với từng nội dung chi cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở phải thực hiện theo đúng chế độ, tiêu chuẩn định mức chi tiêu tài chính hiện hành theo hướng dẫn tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP.

Mức chi cụ thể đối với các khoản chi có tính chất đặc thù cho hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk theo hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 5 và Khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP như sau:

a) Chi xây dựng Chương trình, Đề án, Kế hoạch về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật dài hạn (có thời gian thực hiện từ 5 năm trở lên) và các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn Chương trình, Đề án, Kế hoạch.

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi			Ghi chú
			Ở tỉnh	Ở cấp huyện	Ở cấp xã	
I	Xây dựng đề cương					
1	Xây dựng đề cương chi tiết	Đề cương	1.000.000 đồng	800.000 đồng	600.000 đồng	
2	Tổng hợp, hoàn chỉnh đề cương tổng quát	Đề cương	1.500.000 đồng	1.200.000 đồng	1.000.000 đồng	
II	Soạn thảo Chương trình, Đề án, Kế hoạch					
1	Soạn thảo Chương trình, Đề án, Kế hoạch	Chương trình, Đề án, Kế hoạch	2.500.000 đồng	2.000.000 đồng	1.500.000 đồng	
2	Soạn thảo báo cáo tiếp thu, tổng hợp ý kiến	Báo cáo	400.000 đồng	300.000 đồng	200.000 đồng	
III	Tổ chức họp, tọa đàm, góp ý					
1	Chủ trì	Người/buổi	200.000 đồng	170.000 đồng	150.000 đồng	
2	Thành viên dự	Người/buổi	100.000 đồng	80.000 đồng	70.000 đồng	
IV	Lấy ý kiến tư vấn của chuyên gia	Văn bản	400.000 đồng	300.000 đồng	200.000 đồng	
V	Xét duyệt Chương trình, Đề án, Kế hoạch					
1	Trường hợp thành lập Hội đồng xét duyệt					
a	Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	200.000 đồng	170.000 đồng	150.000 đồng	

b	Thành viên Hội đồng, thư ký	Người/buổi	120.000 đồng	100.000 đồng	80.000 đồng	
c	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	100.000 đồng	80.000 đồng	70.000 đồng	
d	Nhận xét, phản biện của Hội đồng	Bài viết	200.000 đồng	170.000 đồng	150.000 đồng	
e	Bài nhận xét của thành viên Hội đồng	Bài viết	150.000 đồng	120.000 đồng	100.000 đồng	
2	Lấy ý kiến thẩm định trong trường hợp không thành lập Hội đồng xét duyệt	Bài viết	300.000 đồng	250.000 đồng	200.000 đồng	
VI	Xây dựng các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn Chương trình, Đề án, Kế hoạch	Văn bản	300.000 đồng	250.000 đồng	200.000 đồng	

b) Chi thù lao cho báo cáo viên, tuyên truyền viên, người được mời tham gia công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (bao gồm cả thù lao soạn giáo án, bài giảng); thù lao cộng tác viên, chuyên gia tham gia hoạt động đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật:

b.1. Thù lao cho báo cáo viên, tuyên truyền viên, người được mời tham gia công tác phổ biến, giáo dục pháp luật:

- Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên Trung ương Đảng; Bí thư Tỉnh ủy: 1.000.000 đồng/buổi;

- Giảng viên, báo cáo viên là Chủ tịch HĐND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Bí thư Tỉnh ủy và các chức danh tương đương; giáo sư; chuyên gia cao cấp; tiến sỹ khoa học: 800.000 đồng/buổi;

- Giảng viên, báo cáo viên là Phó Chủ tịch HĐND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh và các chức danh tương đương; phó giáo sư; tiến sỹ; giảng viên chính: 600.000 đồng/buổi;

- Giảng viên, báo cáo viên còn lại là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các cơ quan, đơn vị ở tỉnh (ngoài 3 đối tượng nêu trên): 500.000 đồng/buổi;

- Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các đơn vị cấp huyện: 300.000 đồng/buổi.

- Thù lao cho tuyên truyền viên, cộng tác viên thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật, tư vấn và tham gia các đợt phổ biến pháp luật lưu động, hướng dẫn sinh hoạt chuyên đề Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt công tác ở cấp xã: 200.000 đồng/người/buổi.

b.2 Thù lao cho cộng tác viên, chuyên gia tham gia các hoạt động đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật: Áp dụng bằng 80% mức chi tại Tiết b.1 Điểm b Khoản 3 Điều này.

b.3 Thù lao cho báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, người được mời tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật cho các đối tượng đặc thù: Được hưởng thêm 10% so với mức thù lao quy định tại Tiết b.1 Điểm b Khoản 3 Điều này.

c) Chi xây dựng tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật:

c.1 Chi xây dựng các tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật (gồm cả biên soạn, biên tập, thẩm định):

Stt	Loại tài liệu	Đơn vị tính	Mức chi			Ghi chú
			<i>Ở tỉnh</i>	<i>Ở cấp huyện</i>	<i>Ở cấp xã</i>	
1	Đề cương, tài liệu chuyên đề, tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ..	Trang A4	70.000 đồng	60.000 đồng	50.000 đồng	Mỗi trang tối thiểu 350 từ
2	Tờ gấp tuyên truyền pháp luật	Loại tờ gấp	500.000 đồng	400.000 đồng	300.000 đồng	
3	Tình huống giải đáp pháp luật	Tình huống	200.000 đồng	150.000 đồng	100.000 đồng	
4	Câu chuyện pháp luật	Câu chuyện	1.000.000 đồng	800.000 đồng	600.000 đồng	
5	Tiểu phẩm pháp luật	Tiểu phẩm	4.000.000 đồng	3.500.000 đồng	3.000.000 đồng	

c.2 Chi biên dịch tài liệu tuyên truyền bằng tiếng dân tộc (gồm cả hiệu đính): 100.000 đồng/trang in A4 (tối thiểu 350 từ của văn bản gốc).

d) Chi tổ chức các hội thi, cuộc thi tìm hiểu pháp luật; thi nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật:

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi			Ghi chú
			Ở tỉnh	Ở cấp huyện	Ở cấp xã	
1	Biên soạn đề thi, đáp án, thang điểm (bao gồm cả biên tập, thẩm định): Một đề thi ít nhất gồm 10 câu					
a	Đề thi trắc nghiệm	Đề	1.200.000 đồng	1.100.000 đồng	1.000.000 đồng	

b	Đề thi tự luận	Đề	1.500.000 đồng	1.400.000 đồng	1.300.000 đồng	
c	Đề thi tổng hợp (gồm cả trắc nghiệm, tự luận...)	Đề	1.300.000 đồng	1.200.000 đồng	1.100.000 đồng	
2	Chi thù lao cho Ban Tổ chức					
	Trưởng ban	Người/ ngày	250.000 đồng	230.000 đồng	200.000 đồng	
a	Phó Trưởng ban	Người/ ngày	200.000 đồng	170.000 đồng	150.000 đồng	
b	Thành viên khác	Người/ ngày	150.000 đồng	130.000 đồng	100.000 đồng	
3	Chi thù lao cho Ban Giám khảo					
a	Trưởng ban	Người/ ngày	250.000 đồng	230.000 đồng	200.000 đồng	
b	Thành viên Ban Giám khảo	Người/ ngày	200.000 đồng	170.000 đồng	150.000 đồng	
4	Các khoản chi trực tiếp khác phục vụ hội thi, cuộc thi					
a	Thuê dẫn chương trình	Người/ ngày	1.200.000 đồng	1.000.000 đồng	800.000 đồng	Chi theo chứng từ, hóa đơn thực tế nhưng không vượt mức tối đa quy định tại các điểm này
b	Thuê hội trường và thiết bị phục vụ hội thi, cuộc thi sân khấu	Ngày	10.000.000 đồng	8.000.000 đồng	6.000.000 đồng	
c	Thuê văn nghệ, diễn viên	Người/ ngày	300.000 đồng	250.000 đồng	200.000 đồng	
d	Bồi dưỡng thư ký	Người/ ngày	200.000 đồng	170.000 đồng	150.000 đồng	
e	Bồi dưỡng người phục vụ	Người /ngày	100.000 đồng	80.000 đồng	70.000 đồng	
5	Giải thưởng: Tùy theo quy mô và địa bàn tổ chức hội thi, cuộc thi để quyết định mức chi cụ thể nhưng không vượt mức chi tối đa quy định tại các điểm dưới đây					

a	Giải nhất	Giải tập thể	8.000.000 đồng	6.000.000 đồng	5.000.000 đồng	
		Giải cá nhân	5.000.000 đồng	4.000.000 đồng	3.000.000 đồng	
b	Giải nhì	Giải tập thể	5.000.000 đồng	4.000.000 đồng	3.000.000 đồng	
		Giải cá nhân	2.500.000 đồng	2.000.000 đồng	1.500.000 đồng	
c	Giải ba	Giải tập thể	3.000.000 đồng	2.000.000 đồng	1.500.000 đồng	
		Giải cá nhân	1.500.000 đồng	1.000.000 đồng	750.000 đồng	
d	Giải khuyến khích	Giải tập thể	2.000.000 đồng	1.500.000 đồng	1.000.000 đồng	
		Giải cá nhân	750.000 đồng	500.000 đồng	250.000 đồng	
e	Giải phụ khác	Giải cá nhân	300.000 đồng	200.000 đồng	100.000 đồng	

e) Chi tổ chức hội thảo, tọa đàm trao đổi kinh nghiệm phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật, giải pháp thực hiện Chương trình, Đề án; tổ chức hội nghị cộng tác viên:

e.1. Người chủ trì: 200.000 đồng/người/buổi.

e.2. Đại biểu được mời tham dự: 70.000 đồng/người/buổi.

e.3. Báo cáo tham luận: 300.000 đồng/báo cáo.

g) Chi hoạt động phiên họp tư vấn, đánh giá của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật, Ban Chỉ đạo:

g.1. Chủ tịch Hội đồng, Trưởng Ban Chỉ đạo: 200.000 đồng/người/buổi.

g.2. Phó Chủ tịch Hội đồng, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo: 180.000 đồng/người/buổi.

g.3. Thành viên Hội đồng, thành viên Ban Chỉ đạo: 150.000 đồng/người/buổi.

g.4. Thư ký của Hội đồng, thư ký Ban Chỉ đạo: 100.000 đồng/người/buổi.

g.5. Đại biểu được mời tham dự: 70.000 đồng/người/buổi.

h) Chi cho công tác hòa giải ở cơ sở:

h.1 Thù lao hòa giải: 150.000 đồng/vụ việc/tổ hòa giải.

h.2 Mua tài liệu, văn phòng phẩm; in ấn các biểu mẫu, sổ sách, báo cáo phục vụ công tác hòa giải: 100.000 đồng/tổ hòa giải/tháng.

i) Chi khen thưởng xã, phường, thị trấn (gọi tắt là đơn vị cấp xã); huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi tắt là đơn vị cấp huyện) đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở:

i.1 Khen thưởng đơn vị cấp xã, đơn vị cấp huyện được UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn: Tương đương tập thể lao động xuất sắc, bằng 1,5 lần mức lương cơ sở.

i.2 Khen thưởng đơn vị cấp xã được UBND tỉnh tặng Bằng khen tiêu biểu về tiếp cận pháp luật cấp tỉnh: Bằng 2 lần mức lương cơ sở.

4. Đối với các nội dung khác có liên quan đến kinh phí thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật không quy định trong Nghị quyết này thì thực hiện theo Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành của HĐND, UBND tỉnh.

5. Việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán, các văn bản thi hành và hướng dẫn tại Điều 6 Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp.

Giao cho Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, thay thế Nghị quyết số 31/2010/NQ-HĐND ngày 10/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về kinh phí thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa VIII, Kỳ họp thứ 8 thông qua./.

CHỦ TỊCH

Niê Thuật